

Bản án số: 155/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Tân;
2. Bà Linh Thị Ngọc Thạch.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thoại Yến Nhi – Thư ký viên.

Đại diện VKSND khu vực 6 – Đồng Nai: không tham dự.

Ngày 20/8/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2026/TLST- HNGĐ ngày 29/6/2026, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2026/QĐST – HNGĐ ngày 12/8/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị Bích T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: **khu phố G (nay là khu phố G), phường X, thành phố Đ.**

- Bị đơn: Ông **Võ Đình Duy Q**, sinh năm 1989

Địa chỉ: **khu phố G (nay là khu phố G), phường X, thành phố Đ.**

(Bà **T**, ông **Q** đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2026 và các bản tự khai, nguyên đơn bà **Vũ Thị Bích T** trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 07/11/2015 bà và ông **Võ Đình Duy Q** tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ)**. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không đồng chí hướng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông bà không có ý định hàn gắn lại tình cảm với nhau, bà **T** nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án được ly hôn với ông **Võ Đình Duy Q**.

Vợ chồng có con chung là cháu **Võ Thiện L**, sinh ngày 23/10/2019; Khi ly hôn bà **T** có nguyện vọng nuôi cháu **L**; Yêu cầu ông **Q** cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung theo bà **T** là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 28/7/2026, bị đơn ông **Võ Đình Duy Q** trình bày: Ông thống nhất với bà **Vũ Thị Bích T** về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Năm 2024 đến nay vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không cùng quan điểm sống và cuộc sống gia đình, mâu thuẫn lâu ngày không được giải quyết. Ông mong muốn được hoà giải để đoàn tụ. Trường hợp bà **T** cương quyết ly hôn thì ông thống nhất giao con cho bà **T** nuôi dưỡng và có nguyện vọng chu cấp cho con chung là 7.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà **Vũ Thị Bích T** có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn và con chung với ông **Võ Đình Duy Q**, cư trú tại: **khu phố G (nay là khu phố G), phường X, thành phố Đ**. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai theo Điều 35 BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà **Vũ Thị Bích T** là nguyên đơn, ông **Võ Đình Duy Q** là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà **Vũ Thị Bích T** có đơn xét xử vắng mặt, ông **Võ Đình Duy Q** được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bà **T**, ông **Q** là phù hợp.

[4] Xét lời trình bày của các đương sự nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Vũ Thị Bích T** và ông **Võ Đình Duy Q** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 07/11/2015 tại **UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ)**. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà **Vũ Thị Bích T** có nguyện vọng xin ly hôn với ông **Võ Đình Duy Q**, ông **Q** mong muốn đoàn tụ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không đồng chí hướng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông bà không có ý định hàn gắn lại tình cảm với nhau. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, cần thiết cho bà **Vũ Thị Bích T** được ly hôn với ông **Võ Đình Duy Q**.

- Về con chung: Bà **Vũ Thị Bích T** nuôi con chung là cháu **Võ Thiện L**, sinh ngày 23/10/2019; Cháu **L** có nguyện vọng được ở với mẹ và ông **Q** cũng đồng ý nên

giao cháu cho bà **Vũ Thị Bích T** nuôi dưỡng là phù hợp; Ông **Q** cấp dưỡng nuôi con chung là 7.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: theo bà **T** và ông **Q** là không có và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Bà **Vũ Thị Bích T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà nộp tại Thi hành **án dân sự thành phố Đ** theo biên lai thu tiền số 0015781 ngày 25/6/2026 thành án phí. Bà **Vũ Thị Bích T** đã nộp đủ án phí. Ông **Q** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật TTDS;

Căn cứ điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà **Vũ Thị Bích T** được ly hôn với ông **Võ Đình Duy Q.**

2. Về con chung: Giao cho bà **Vũ Thị Bích T** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Võ Thiện L**, sinh ngày 23/10/2019; Ông **Q** cấp dưỡng nuôi con chung là 7.000.000 đồng/tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Khi cần thiết, bà **Vũ Thị Bích T** và ông **Võ Đình Duy Q** được quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: theo bà **T** và ông **Q** là không có và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà **Vũ Thị Bích T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà **T** nộp tại Thi hành **án dân sự thành phố Đ** theo biên lai thu tiền số 0015781 ngày 25/6/2026 thành án phí. Bà **T** đã nộp đủ án phí. Ông **Q** phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho bà **Vũ Thị Bích T**, ông **Võ Đình Duy Q** biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND KV6 – Đồng Nai;
- Phòng THA DS thành phố Đồng Nai;
- UBND phường Tân Mai, TP. Đồng Nai;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tùng